

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 18-01-2022.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thiều;
- Ông Nguyễn Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2021/QĐXX-ST ngày 29 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 11, ấp S, xã G, huyện B, tỉnh N; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ 21, ấp L, xã G, huyện D, tỉnh N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày:

Chị và anh T chung sống với nhau vào năm 1998, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu. Vợ chồng chị sống chung với gia đình anh T tại ấp Cẩm Long, xã Cẩm Giang. Cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gay gắt từ năm 2018, nguyên nhân do anh T không lo cho kinh tế gia đình, thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện đánh chị nhiều lần, anh T ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau.

Tháng 3-2019, chị bỏ về nhà cha, mẹ chị tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh sống và vợ chồng tự sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không ai đặt vấn đề đoàn tụ. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung gồm: Cháu Nguyễn Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 12-02-1999, đã trưởng thành và có gia đình riêng. Cháu Nguyễn T Đạt, sinh ngày 26-02-2009 do anh T đang nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng cháu Duyên vì cháu Duyên đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được. Chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đạt, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, chị T thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng anh T chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét, quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị T đối với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung:

Cháu Nguyễn Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 12-02-1999, đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

Giao anh Nguyễn Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn T Đạt, sinh ngày 26-02-2009.

Ghi nhận anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Ngô Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T chung sống với nhau vào năm 1998, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Giang. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gay gắt và tự sống ly thân từ tháng 3-2019 đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh T. Riêng anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh T vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, không đến Tòa án để tham gia tố tụng trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử vụ án với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Qua lời trình bày của chị T thể hiện trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân của chị T và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị T yêu cầu được ly hôn anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Nguyễn Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 12-02-1999, đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

Cháu Nguyễn T Đạt, sinh ngày 26-02-2009 đang theo sống với anh T và cháu Đạt cũng có nguyện vọng tiếp tục theo sống với anh T. Vì vậy, giao anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đạt là phù hợp. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị T đối với anh Nguyễn Văn T.

Chị Ngô Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

Cháu Nguyễn Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 12-02-1999, đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

Giao anh Nguyễn Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn T Đạt, sinh ngày 26-02-2009.

Ghi nhận anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị Ngô Thị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Ngô Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013052 ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị T, anh T biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Cẩm Giang;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Dũng

